TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 20-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Phùng Công Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với:

- Bị cáo Trần Thị Kim C, sinh năm 1992; tên gọi khác: Không; nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm (không xác định) và bà Trần Thị N, sinh năm 1963; có chồng Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi trú số 47, ngày 04/10/2019.

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Lê Thị N, sinh năm 1991 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Y, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Y, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Người làm chứng:

1. Huỳnh Thái T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm Z, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

2. Ngô Mộng Xuân E, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Kim C là em dâu của bị hại Lê Thị N (chồng C là em ruột của chồng N), cả hai gia đình đều làm thuê tại các trại nuôi cá của Công ty Hùng Cá thuộc ấp B, xã T, huyện T. Do có mối quan hệ thân thích nên C thường xuyên đến trại của vợ chồng N chơi và biết trong trại của N có tài sản nên nảy sinh ý định trộm tài sản của N để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 20/8/2019, lợi dụng lúc vợ chồng của N đến trại của C tiếp cân cá không có mặt tại trại, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66L4-6959 đến trại của N, lúc này trại khóa cửa. Do đến chơi nhiều lần C biết vị trí cất giấu chìa khóa nên C đến lấy chìa khóa mở cửa trại đi vào bên trong, đến tủ quần áo thì tủ đã bị khóa. C tìm chìa khóa tủ quần áo thì phát hiện chìa khóa trên kệ bàn thờ, C lấy chìa khóa mở tủ quần áo tìm kiếm tài sản để trộm thì phát hiện có 01 túi da màu đỏ có dây đeo màu đen, trên thân túi có chữ ELLE, kiểm tra trong túi có tiền Việt Nam; 01 cái hộp màu cam bên trong có 01 chiếc lắc bằng vàng, 01 nhẫn vàng trơn; một cái túi vải nhỏ màu đỏ bên trong có 01 nhẫn vàng có đính hột. C lấy số tài sản trên bỏ vào túi áo khoác, rồi để chiếc túi có chữ ELLE vào vị trí cũ, khóa tủ và cửa trại rồi về trại của C. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày C kiểm tra tiền trộm được thì có: 19.500.000đồng tiền mặt (gồm các mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 100.000đồng). Đến ngày 22/8/2019, C mang số vàng trộm được đến tiệm vàng K tại thị xã H bán được 24.486.000đồng. C trả nợ 17.000.000đồng và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 24/8/2019, chị N kiểm tra tài sản thì phát hiện mất trộm và trình báo công an.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền Việt Nam: 20.000.000đồng, gồm 40 tờ mệnh giá 500.000 đồng do bị cáo C giao nộp; 01 mảnh giấy ghi nhận bị cáo C bán vàng ngày 22/8/2019 tại tiệm vàng K như sau: vàng kiểu 24K, trọng lượng 03 chỉ, giá

mua 4.040.000đồng/chỉ, trị giá là 12.120.000đồng; vàng nhẫn trơn 24K trọng lượng 02 chỉ, giá mua 4.080.000đồng/chỉ, trị giá 8.160.000đồng; vàng nữ trang 18K, trọng lượng 1,79 chỉ, giá mua 2.350.000đồng/chỉ, trị giá là 4.206.000đồng. Tổng cộng bán vàng được 24.486.000đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 66L4 – 6959, nhãn hiệu NEVA, màu đỏ - đen – trắng, xe đã qua sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số 26/BKLĐG ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T, kết luận tổng giá trị vàng là 24.952.300đồng gồm: 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, giá trị 4.130.000đồng/chỉ X 03 chỉ = 12.390.000đồng; 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, giá trị 4.160.000đồng/chỉ X 02 chỉ = 8.320.000đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 1,79 chỉ, giá trị 2.370.000đồng/chỉ X 1,79 chỉ = 4.242.300đồng;

Tại Cáo trạng số: 40/CT-VKS-TN ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Thị Kim C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim C, phạm tội "Trộm cắp tài sản" mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Trần Thị Kim C khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

- Bị hại Lê Thị N khai: Trước đây chị có bị mất trộm tiền và vàng tổng giá trị 44.452.000đồng, sau đó công an điều tra xác định do bị cáo C là em bạn dâu lấy trộm và chị N đã nhận lại toàn bộ giá trị tài sản xong, không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo C được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Tờ tự khai ngày 25/8/2019 của bị cáo; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/8/2019 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số 26/BKLĐG ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút gồm tiền và vàng có tổng giá trị 44.452.000đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt là bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được đều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền sinh hoạt chi tiêu cá nhân và trả nợ mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cậu ruột Trần Văn H là Liệt sĩ, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, bị hại làm đơn bãi nại không yêu cầu khởi tố và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

Đối với bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản bị mất trộm là người thân nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cho bị cáo hưởng án treo giáo dục tại địa phương

cũng đủ răn đe bị cáo trở thành công dân tốt là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét thấy bản thân bị cáo là thành phần lao động phổ thông thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường toàn bộ số tài sản bị mất trộm tổng cộng là 44.452.000đồng, bị cáo thống nhất bồi thường và đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 cái hộp màu cam và 01 cái túi vải nhỏ màu đỏ, bị cáo C trình bày sau khi lấy vàng ra, bị cáo đã ném xuống sông gần trại của bị cáo, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm được nên không xem xét.

01 (một) mãnh giấy ghi nhận bị cáo C bán vàng ngày 22/8/2019 tại tiệm vàng Kim Hoa là chứng cứ phạm tội của bị cáo, tịch thu lưu hồ sơ vụ án là phù hợp theo Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 66L4 – 6959, nhãn hiệu NEVA, màu đỏ - đen – trắng, xe đã qua sử dụng do Nguyễn Văn Q là chồng của bị cáo mua của Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1981, ngụ khóm A, huyện A, thị xã H với giá 4.000.000đồng cách nay khoảng 7 – 8 năm, lúc mua không làm giấy tờ. Q không biết bị cáo C sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên xem xét trả lại cho Q là phù hợp theo quy định điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim C phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim C 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 20/11/2019).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Trần Thị Kim C cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Nguyễn Văn Q: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66L4 – 6959, nhãn hiệu NEVA, màu đỏ - đen – trắng, số khung RNAWCHFNA 61011996, số máy VLF1F52FMH3 60101996, không kiểm tra chất lượng của xe, xe đã qua sử dụng.

(Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) mãnh giấy ghi nhận bị cáo C bán vàng ngày 22/8/2019 tại tiệm vàng K (đang lưu trong hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Kim C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại; vắng mặt bị hại P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hứa Quang Thông